

**ORDO**  
HEBDOMADÆ SANCTÆ  
*juxta MISSALE ROMANUM 1962*  
**FERIA QUINTA**  
**IN CŒNA DOMINI**



**NGHI THỨC**  
TUẦN THÁNH  
*theo SÁCH LỄ RÔMA 1962*  
**THÁNH LỄ TIỆC LY**

ANNO DOMINI  
MMXXII

Ghi chú về bản dịch:

Bản dịch Nghi Thức Tuần Thánh được sử dụng là bản dịch của Ủy ban Phụng Tự thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam năm 1968.

**SÁCH LỄ HIỆN TẠI**

Concordat cum originali:

Sài Gòn, die 27 Julii 1968

Jacobus Nguyễn Văn Vi

Censor delegatus

Imprimatur:

Phú Cường, die 28 Julii 1968

✠ Joseph Phạm Văn Thiên

Praes. Com. Episc. de Sac. Liturgia

## THỨ NĂM TUẦN THÁNH

Chúng ta bắt đầu theo Chúa từng bước trong những ngày cuối cùng cuộc đời trần gian của Người. Chiều thứ năm sau bữa chiên Vượt Qua theo luật Do Thái, Chúa Giêsu, vị thủ lãnh chúng ta bắt đầu thực hiện trong tâm hồn của cuộc đời trần gian của Người: hoàn toàn tự hiến để Thiên Chúa được vinh danh, nhân loại được cứu rỗi. Chúa lập phép Thánh Thể trao phó trước cho nhân loại sự sống mà Người hoàn toàn hiến dâng ngày hôm sau. Trao Mình Chúa cho các môn đệ rồi Chúa bảo: *Hãy làm việc này để ghi nhớ Ta. Như thế, Chúa đã thiết lập chức thánh Linh mục (phép Truyền Chức) để qua các ngài, Chúa tiếp tục giảng dạy và thông ơn cho nhân loại đến tận thế. Tất cả giáo huấn của Chúa, tất cả nền tảng cốt yếu của đạo Chúa gồm trong hai chữ “Đức Ái”. Trước khi lìa bỏ các môn đệ ra đi chịu chết, Chúa muốn dạy và lối cho các môn đệ, cho chúng ta, một bài học quý giá nhất, cần thiết nhất: bài học Đức Ái. Người lối lại một cách trọng thể, dạy một cách sống động và cụ thể hết sức, bằng việc Chúa rửa chân cho các môn đệ.*

Hôm nay là kỷ niệm Chúa Giêsu lập phép Thánh Thể. Ngày này năm xưa, Chúa dâng lễ đầu tiên dưới trần gian, trước khi dâng mình trên núi Sọ. Thật là ngày vui mừng. Linh mục mặc áo trắng, có hát Kinh Vinh Danh. Sau Kinh Xin Chúa Thương Xót, vị Chủ sự cất bát Kinh Vinh Danh. Khi đó, chuông reo vui mừng, tiếng đàn hòa ca. Từ lúc hết bài hát, chuông và đàn không được lên tiếng nữa cho tới Đêm Thánh Phục Sinh. Bàn thờ phủ màu trắng, và trang hoàng hoa nến. Ca Nhập Lễ cho chúng ta thấy vui mừng, vì Thánh Giá là biểu hiện ơn cứu thế. Ca Tâm Niệm là một trong những bài ca sâu sắc nhất cả về ý lẫn nhạc. Chúa Giêsu hạ mình làm người và vâng lời cho đến chết. Nhưng Chúa Cha đã nâng Người lên địa vị cao cả. Thánh Phaolô nhắc đến việc thành lập màu nhiệm Thánh Thể và sự rước lễ bất xứng. Phúc Âm nói đến Đức Ái, Khiêm Nhường: Chúa tự hạ mình rửa chân cho các môn đệ.

Thánh Lễ Tiệc Ly hôm nay có lễ nghi Rửa Chân. Sau lễ: Kiệu Thánh Thể về Nhà Tạm, lễ nghi Lộ Bàn Thờ, và chào Thánh Thể.

## CA NHẬP LỄ

Intr. 4.



**N** OS au- tem \* glo-ri- á- ri opór- tet, in cru-  
 ce Dó-mi-ni nostri Je- su Chri- sti: in quo est sa-lus,  
 vi- ta, et re- surré-cti- o no- stra: per quem salvá-ti,  
 et li-be-rá- ti su- mus. *Ps.* De- us mi-se-re- á-tur no-  
 stri, et be-ne-dí-cat no-bis: \* il-lú-mi-net vultum su-um su-  
 per nos, et mi-se-re- á-tur nostri. Nos au- tem.

Nos autem gloriári opórtet in Cruce Dómini nostri Iesu Christi: in quo est salus, vita et resurréctio nostra: per quem salváti et liberáti sumus.

*Ps.* Deus misereátur nostri, et benedícat nobis: illúminet vultum suum super nos, et misereátur nostri.

*Nos autem gloriári ...*

Vinh dự của chúng ta là ở Thánh Giá Chúa Giê-su Kitô, Chúa chúng ta: Người là sự cứu thoát, sự sống, và sự sống lại. Nhờ Người chúng ta được cứu độ và được giải thoát.

*Cv.* Xin Chúa thương chúc phúc cho chúng con: Xin giải ánh tôn nhan Chúa trên chúng con và thương xót chúng con.

*Vinh dự của chúng ta ...*

## KINH TỔNG NGUYỆN

Deus, a quo et Iudas reátus sui pœnam, et confessiónis suæ latro præmium sumpsit, concède nobis tuæ propitiatiónis effectum: ut, sicut in passióne sua Iesus Christus, Dóminus noster, diversa utrísque intulit stipéndia meritórum; ita nobis, abláto vetustátis errore, resurrectiόνis suæ grátiam largiátur: Qui tecum vivit et regnat in unitate Spíritus Sancti Deus per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Chúa, Chúa đã phạt Judá vì tội ác, đã thưởng người trộm lành vì có lòng tin. Xin Chúa thương cho chúng tôi được hưởng công nghiệp của Chúa. Như xưa Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng tôi, trong cuộc khổ nạn, đã đổi xử với hai người xứng với việc họ làm thế nào, thì xin Chúa cũng trừ diệt những lầm lạc trong con người cũ chúng tôi, và cho chúng tôi được sống với Người như vậy. Đáng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## SÁCH THÁNH

Fratres: Conveniéntibus vobis in unum, iam non est Domínicam coenam manducáre. Unusquisque enim suam cenam præsumit ad manducándum. Et alius quidem ésurit: álius autem ébrius est. Numquid domos non habétis ad manducándum et bibéndum? aut ecclésiám Dei contémnitis, et confúnditis eos, qui non habent? Quid dicam vobis? Laudo vos? In hoc non laudo. Ego enim accépi a Dómino quod et trádidi vobis, quóniam Dóminus Iesus, in qua nocte tradebátur, accépit panem, et grátias agens fregit, et dixit: Accípíte, et manducáte: hoc est corpus meum,

1 Côrintô 11, 20–32

Anh em thân mến: Khi anh em hội họp với nhau, không phải là để dự tiệc Chúa nữa, vì vừa ngồi vào bàn tiệc, ai nấy đã vội vàng dùng phần của mình, đến nỗi có người đói, có người lại say sưa. Anh em không có nhà để ăn uống ư? Hay là anh em có ý khinh miệt nhà Chúa và muốn lăng nhục những kẻ thiếu thốn? Tôi sẽ nói gì với anh em? Khen anh em ư? Về điều này tôi không khen anh em đâu. Phần tôi, tôi đã dạy anh em những điều mà chính Chúa đã ban bố cho tôi là: Chúa Giêsu trong đêm Người bị bắt, đã cầm tấm bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra mà nói: “Hãy nhận lấy mà ăn, vì này là Mình Ta đã hiến dâng vì các con. Hãy

quod pro vobis tradétur: hoc fácite in meam commemoratiónem. Simíliter et cálicem, postquam coenávit, dicens: Hic calix novum Testaméntum est in meo sángvine: hoc fácite, quotiescúmque bibétis, in meam commemoratiónem. Quotiescúmque enim manducábitis panem hunc et cálicem bibétis: mortem Dómini annuntiábitis, donec véniat. Itaque quicúmque manducáverit panem hunc vel bíberit cálicem Dómini indígne, reus erit córporis et sánguinis Dómini. Probet autem seípsum homo: et sic de pane illo edat et de cálice bibat. Qui enim mandúcat et bibit indígne, iudícium sibi mandúcat et bibit: non diiúdicans corpus Dómini. Ideo inter vos multi infirmi et imbecíles, et dórmiunt multi. Quod si nosmetípsos diiudicáremus, non útique iudicáremur. Dum iudicámur autem, a Dómino corrípimur, ut non cum hoc mundo damnémur.

làm việc này để nhớ đến Ta.” Rồi cũng một cử chỉ như trước, sau bữa tiệc, Người cầm chén rượu và nói: “Chén này là chén Tân Ước, ký kết trong Máu Ta, mỗi lần uống chén này, các con hãy làm để nhớ đến Ta.” Vì thế mỗi lần anh em ăn bánh và uống chén ấy, anh em nhắc đến cái chết của Chúa cho tới khi Người trở lại. Nếu ai ăn bánh và uống chén của Chúa không xứng đáng thì sẽ phạm đến Mình và Máu Chúa. Vậy mỗi người hãy tự vấn lương tâm, rồi mới ăn bánh và uống chén ấy, vì không xứng mà dám ăn uống, thì là ăn uống án phạt mình, vì không có lòng thành kính Mình Thánh Chúa. Bởi thế, anh em có nhiều kẻ đau yếu bệnh tật và một số đông đã chết. Nếu chúng ta suy xét cẩn thận, chúng ta sẽ không phải xét xử. Nhưng dù Chúa xét xử và sửa phạt ta, là để ta khỏi phạt chung cùng với thế gian.

### CA TÂM NIỆM

Grad. 5.

Hri-stus \* factus est pro no- bis ob-é-  
di- ens us-que ad mor-tem, mor-tem au-tem

cru- cis. Propter quod et De- us exal-  
 tá- vit illum, et de-  
 dit il- li no- men, quod est super omne  
 \* no- men.

Christus factus est pro nobis obediens usque ad mortem, mortem autem crucis. Propter quod et Deus exaltávit illum: et dedit illi nomen, quod est super omne nomen.

Vì chúng ta, Chúa Giê-su Ki-tô đã tự hạ, vâng lời đến chết, chết trên Thập Giá. Vì thế Thiên Chúa đã suy tôn Người và tặng Người một danh hiệu cao trọng trên hết mọi danh hiệu.

## PHÚC ÂM

Gioan 13, 1-15

Ante diem festum Paschæ, sciens Iesus, quia venit hora eius, ut tránseat ex hoc mundo ad Patrem: cum dilexisset suos, qui erant in mundo, in finem diléxit eos. Et cena facta, cum diábolus iam misisset in cor, ut tráderet eum Iudas Simónis Iscariótæ: sciens, quia ómnia dedit ei Pater in manus, et quia a Deo exivit, et ad Deum vadit: surgit a cena et ponit

Trước lễ Vượt Qua, Chúa Giê-su biết rằng đã đến giờ Người phải từ biệt cõi trần để về cùng Cha Người, vì đã yêu con cái mình trên trần gian thì lại tỏ ra yêu họ cho đến cùng. Trong bữa tối, khi ma quỷ đã xui giục Judá Iscariôt, con ông Simon, mưu tính việc phản Thầy; biết rằng Chúa Cha đã giao phó mọi việc trong tay mình và mình bởi Thiên Chúa mà đến và lại trở về cùng

vestiménta sua: et cum accepísset línteum, præcínxit se. Deinde mittit aquam in pelvim, et coepit lavare pedes discipulórum, et extérgere línteo, quo erat præcínctus. Venit ergo ad Simónem Petrum. Et dicit ei Petrus: Dómine, tu mihi lavas pedes? Respóndit Iesus et dixit ei: Quod ego fácio, tu nescis modo, scies autem póstea. Dicit ei Petrus: Non lavábis mihi pedes in ætérnum. Respóndit ei Iesus: Si non lávero te, non habébis partem mecum. Dicit ei Simon Petrus: Dómine, non tantum pedes meos, sed et manus et caput. Dicit ei Iesus: Qui lotus est, non índiget nisi ut pedes lavet, sed est mundus totus. Et vos mundi estis, sed non omnes. Sciébat enim, quisnam esset, qui tráderet eum: proptérea dixit: Non estis mundi omnes. Postquam ergo lavit pedes eórum et accépit vestiménta sua: cum recubísset íterum, dixit eis: Scitis, quid fécerim vobis? Vos vocátis me Magíster et Dómine: et bene dícitis: sum étenim. Si ergo ego lavi pedes vestros, Dóminus et Magíster: et vos debétis alter altérius lavare pedes. Exémplum enim dedi vobis, ut, quemádmóduum ego feci vobis, ita et vos faciátis.

Thiên Chúa, nên Chúa Giêsu chỗi dậy, cởi áo và lấy vải thắt lưng, rồi đổ nước vào chậu, rửa chân cho các môn đệ và lấy khăn thắt lưng mà lau. Người đến rửa cho Phêrô, Phêrô liền thưa: “Thưa Thầy, Thầy rửa chân con ư?” Chúa Giêsu đáp: “Việc Thầy làm, bây giờ con chưa hiểu, rồi ra con sẽ hiểu.” Phêrô lại thưa: “Không, không đời nào Thầy lại rửa chân con.” Chúa Giêsu đáp: “Nếu chẳng để Thầy rửa chân cho, thì con chẳng được dự phần cùng Thầy.” Bây giờ Simon Phêrô liền thưa: “Thưa Thầy, không những Thầy rửa chân, mà xin rửa cả tay cùng đầu con nữa.” Chúa Giêsu đáp: “Kẻ đã tắm thì không cần rửa nữa, chỉ rửa chân thôi, vì toàn thân đã sạch rồi. Về phần các con cũng thế, các con sạch, nhưng không phải sạch hết cả đầu. Người biết kẻ sắp nộp Người, nên Người nói: “Các con không sạch tất cả.” Khi đã rửa chân các môn đệ xong, Người lại mặc áo và ngồi vào bàn. Rồi bảo các môn đệ rằng: “Các con có hiểu việc Ta vừa làm không? Các con gọi Ta là Thầy, là Chúa, các con nói rất phải, vì thật ra, Ta là Thầy, là Chúa. Vậy, nếu là Thầy, là Chúa mà Ta còn rửa chân các con, thì đến lượt các con cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã làm gương cho các con để các con cũng làm như vậy.”

*Không đọc Kinh Tin Kính*



## LỄ NGHI RỬA CHÂN

Sau khi ban bố cho các môn đệ những giới răn về đức ái, Chúa Giêsu quỳ xuống rửa chân cho các ông. Người muốn các ông phải thương yêu nhau, như chính Người đã thương yêu các ông.

Đây là một bài học vô cùng sống động và sâu sắc, dạy ta thi hành đức khiêm nhường và bác ái đối với tha nhân, bác ái chân thành, bác ái bằng việc làm. Bác ái chân thành dạy ta phải biết khiêm nhường, hy sinh để phục vụ tha nhân. Được Chúa yêu thương, chúng ta phải yêu thương người khác. Đó là nhiệm vụ thiết yếu của người Công Giáo.

### ĐIỆP XƯỚNG I

Joan. 13, 34, Ps. 118, 1

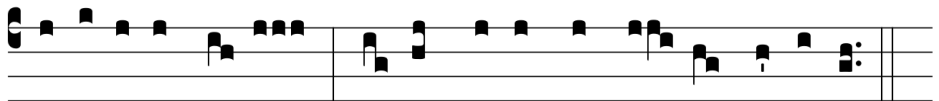
Ant.  
3.

**M**

Andá-tum novum do vo-bis : \* ut di-li-gá-tis ínvi-



cem, sic-ut di-lé-xi vos, di-cit Dóminus. Ps. Be-á-ti imma-



cu-lá-ti in vi- a : \* qui ámbu-lant in le- ge Dómi-ni.

“Mandátum novum do vobis: ut diligátis ínvicem, sicut diléxi vos”, dicit Dóminus.

Chúa phán: “Thầy ban cho chúng con điều răn mới, là chúng con hãy thương yêu nhau, như Thầy đã thương yêu chúng con.”

**Ps.** Beáti immaculáti in via: qui ámbulant in lege Dómini.

**Cv.** Phúc cho ai sống đời trong trắng, cho ai sống theo lề luật Chúa.

*Mandátum novum ...*

*Chúa phán ...*

## ĐIỆP XƯỚNG II

Joan. 13, 4, 5 et 15, Ps. 47, 2

Ant.  
4.

**P** Ostquam surré-xit Dóminus \* a cena, mi-sit a-

quam in pel- vim : cóepit lavá-re pe-des di-sci-pu-ló-

rum : hoc exémplum re-líquit e- is. *Ps.* Magnus Dó-

minus, et laudá-bi-lis nimis : \* in ci-vi-tá-te De- i nostri,

in monte sancto e-jus. Postquam.

Postquam surréxit Dóminus a coena, misit aquam in pelvim, et coepit lavare pedes discipulorum suorum: hoc exéplum réliquit eis.

**Ps.** Magnus Dóminus, et laudábilis nimis: in civitáte Dei nostri, in monte sancto eius.

*Postquam ...*

Chúa đứng dậy khỏi bàn ăn, đổ nước vào chậu rồi đi rửa chân cho các môn đệ, làm gương cho họ về sau.

**Cv.** Chúa cao cả và rất đáng ca tụng, trong thành thánh Chúa chúng ta, trên núi thánh của Người.

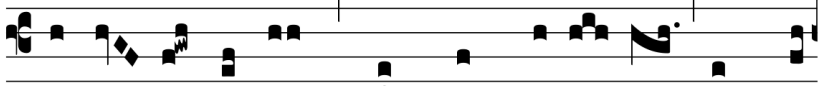
*Chúa đứng dậy ...*

## ĐIỆP XƯỚNG III

Joan. 13, 12, 13 et 15; Ps. 84, 2

Ant.  
2.

**D**



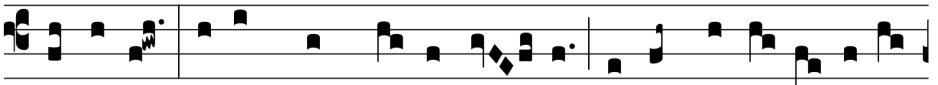
Omi- nus Je- sus, \* postquam cená- vit cum di-



sci- pu- lis su- is, la- vit pe- des e- ó- rum, et a- it il- lis :



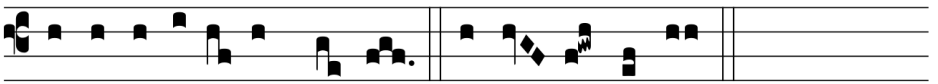
Sci- tis quid fé- ce- rim vo- bis e- go Dómi- nus et



Ma- gíster? Exémplum de- di vo- bis, ut et vos i- ta fa- ci-



á- tis. Ps. Be- ne- di- xísti Dómi- ne terram tu- am : \* a- vertí-



sti capti- vi- tá- tem Ja- cob. Dómi- nus Je- sus.

Dóminus Iesus, postquam cenávit cum discipulis suis, lavit pedes eórum, et ait illis: “Scitis, quid fécerim vobis ego, Dóminus et Magíster? Exémplum dedi vobis, ut et vos ita faciátis.”

Sau khi dùng bữa với các môn đệ, Chúa Giêsu rửa chân cho các ông và bảo: “Các con có hiểu việc Thầy làm cho các con không? Thầy là Chúa, là Thầy, Thầy làm gương để các con cũng làm như vậy.”

**Ps.** Benedixísti, Dómine, terram tuam: avertísti captivitátem Iacob.

**Cv.** Lạy Chúa, Chúa đã chúc phúc cho đất Chúa, Chúa đã giải phóng cho Jacóp khỏi lưu đày.

*Dóminus Iesus ...*

*Sau khi ...*

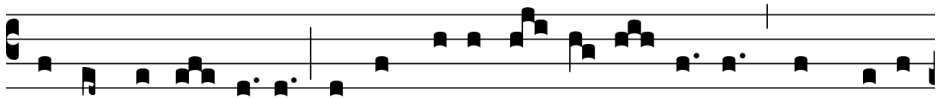
### ĐIỆP XƯỚNG IV

Ant.  
5.

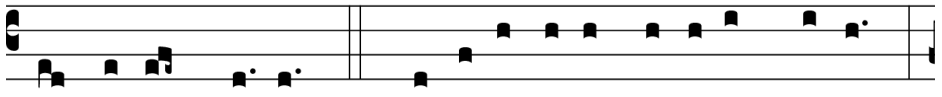
**D**



Omi-ne, \* tu mi-hi la-vas pe-des? Respóndit Je-



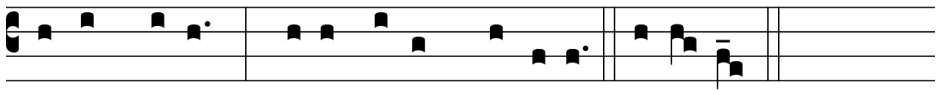
sus et dix-it e- i: Si non láve-ro ti-bi pe-des, non habé-



bis partem me-cum. *℣.* Ve-nit ergo ad Simónem Petrum, \*



et dix-it e- i Pétrus. Dómi-ne. *℣.* Quod ego fá-ci- o, tu



nescis modo: \* sci- es autem póste- a. Dómi-ne.

“Dómine, tu mihi lavas pedes?”  
Respóndit Iesus et dixit ei: “Si non lávero tibi pedes, non habébis partem mecum.”

“Lạy Thầy, Thầy rửa chân con ư?”  
Chúa Giêsu đáp: “Nếu chẳng để Thầy rửa chân cho, thì không được dự phần cùng Thầy.”

**Ps.** Venit ergo ad Simónem Petrum, et dixit ei Petrus.

**Cv.** Chúa lại gần Phêrô, và Phêrô thưa Người rằng: “Lạy Thầy, Thầy rửa chân con ư?”

*Dómine ...**Lạy Thầy ...***Ps.** “Quod ego fácio, tu nescis modo: scies autem póstea.”**Cv.** “Việc Thầy làm bây giờ con không hiểu, nhưng sau con sẽ hiểu.”*Dómine ...**Lạy Thầy ...***ĐIỆP XƯỚNG V**

Joan. 13, 14; Ps. 48, 2

**Ant.**  
4.**S**

I ego Dóminus \* et Ma-gíster ve-ster la-vi vo-

bis pe-des : quanto ma-gis vos debé-tis alter al-té-ri-us

la-vá-re pe-des? *Ps.* Audí-te hęc, omnes gentes : \* áuri-bus

percí-pi-te, qui ha-bi-tá-tis orbem. Si ego.

“Si ego, Dóminus et Magíster vester, lavi vobis pedes: quanto magis debétis alter altérius laváre pedes?”

“Nếu Ta là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho chúng con, vậy chúng con càng phải rửa chân cho nhau sao?”

**Ps.** Audíte hęc, omnes gentes: áuribus percípite, qui habitátis orbem.**Cv.** Hỡi các dân tộc hãy nghe đây: khắp cả thế giới, hãy lắng tai nghe.*Si ego ...**Nếu Ta là ...*

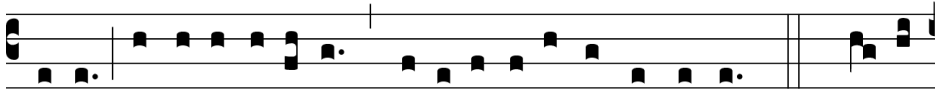
## ĐIỆP XƯỚNG VI

Joan. 13, 35

Ant.  
7.

I

N hoc cognóscnt omnes, \* qui- a me- i estis discí-



pu-li, si di-lecti- ónem habu- é-ri- tis ad ínvi- cem. V̇. Di- xit



Je- sus discí- pu- lis su- is. In hoc cognóscnt omnes.

“In hoc cognóscnt omnes, quia discípuli mei estis, si dilectiónem habuérítis ad ínvicem.”

“Người ta cứ dấu này mà nhận biết chúng con là môn đệ Thầy, là chúng con thương yêu nhau.”

*Ps.* Dixit Iesus discí- pulis suis.*Cv.* Chúa Giêsu nói cùng các môn đệ.*In hoc cognóscnt omnes ...**Người ta cứ dấu này ...*

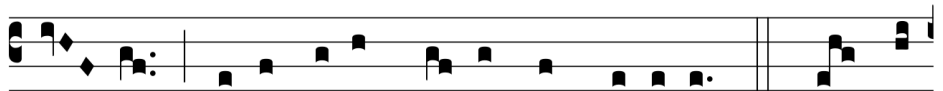
## ĐIỆP XƯỚNG VII

1 Cor. 13, 13

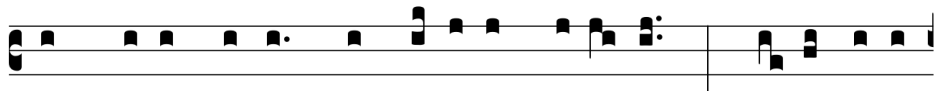
Ant.  
7.

M

Ane- ant in vo- bis \* fi- des, spes, cá- ri- tas, tri-



a hęc : ma- jor autem ho- rum est cá- ri- tas. V̇. Nunc au-



tem manent fi- des, spes, cá- ri- tas, tri- a hęc : \* ma- jor autem



ho-rum est cá-ri- tas. Máne-ant in vo- bis.

Máneant in vobis fides, spes, caritas, tria hæc: maior autem horum est caritas.

**Ps.** Nunc autem manent fides, spes, caritas, tria hæc: maior horum est caritas.

*Máneant in vobis ...*

Chúng con hãy giữ lòng Tin, Cậy, Mến, trong ba đức ấy, đức Mến cao cả hơn hết.

**Cv.** Vậy chúng con hãy giữ lấy lòng Tin, Cậy, Mến, trong ba đức ấy đức Mến cao cả hơn hết.

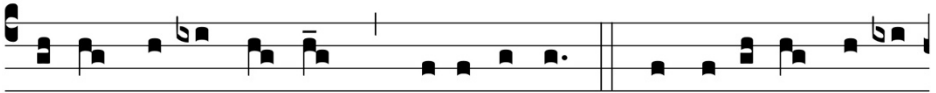
*Vậy chúng con ...*

### ĐIỆP XƯƠNG VIII

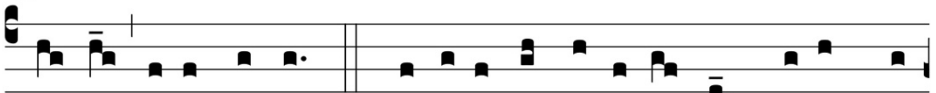
Ant.  
6.



-bi cá-ri-tas et a-mor, De-us i-bi est.  $\Psi$ . Congre-



gá-vit nos in u-num Christi amor.  $\Psi$ . Exsultémus, et in



ipso jucundémur.  $\Psi$ . Time-ámus, et amé-mus De-um vi-



vum.  $\Psi$ . Et ex corde di-li-gá-mus nos sin-cé- ro.

Ubi caritas et amor, Deus ibi est.

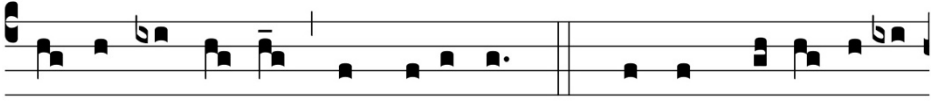
Congregávit nos in unum Christi amor. Exsultémus et in ipso iucundémur. Timeámus et amémus Deum vivum. Et ex corde diligámus nos sincéro.

Đâu có đức ái và yêu thương thì Chúa ở đó.

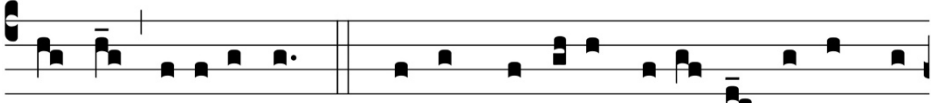
Tình yêu Chúa Kitô đã kết hiệp chúng ta nên một. Ta hãy vui mừng hoan hỷ trong Người. Ta hãy kính sợ và yêu mến Chúa hằng sống. Và hãy thành tâm yêu nhau.



*Ant.* Ubi cá-ri-tas et a-mor, De-us i-bi est.  $\Psi$ . Simul er-



go cum in u-num congregámur :  $\Psi$ . Ne nos mente di-vi-



dá-mur cave-ámus.  $\Psi$ . Cessent júrgi- a ma-lígna, cessent li-



tes.  $\Psi$ . Et in mé-di- o nostri sit Christus De- us.

Ubi caritas et amor, Deus ibi est.

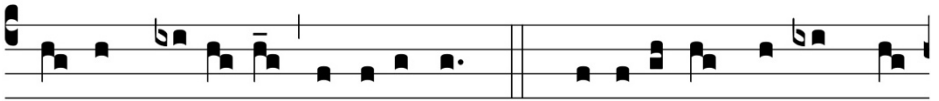
Đâu có đức ái và yêu thương thì Chúa ở đó.

Simul ergo cum in unum congregámur. Ne nos mente dividámur, caveámus. Cessent iúrgia maligna, cessent lites. Et in médio nostri sit Christus Deus.

Khi chúng ta hiệp nhất nên một. Hãy đề phòng đừng chia rẽ tinh thần. Hãy bỏ những hiềm thù tranh chấp. Nguyện xin Chúa Kitô ngự giữa chúng ta.



*Ant.* Ubi cá-ri-tas et a-mor, De-us i-bi est.  $\Psi$ . Simul quo-



que cum be-á- tis vi-de-ámus.  $\Psi$ . Glo-ri- ánter vul-tum tú-



um, Christe De-us : V. Gáudi- um, quod est imménsum, at-  
que probum. V. Sæcu- la per infi- ní- ta sæcu- ló- rum. A-  
men.

men.

Ubi caritas et amor, Deus ibi est.

Simul quoque cum Beáteis videámus,  
gloriánter vultum tuum, Christe  
Deus, gáudium, quod est imménsum  
atque probum, sæcula per infiníta  
sæculórum. Amen.

Đâu có đức ái và yêu thương thì  
Chúa ở đó.

Nguyện chúng con được cùng các  
thánh hưởng dung nhan Chúa trong  
vinh hiển, lạy Chúa Giêsu là Thiên  
Chúa, được hưởng hoan lạc vô biên và  
sáng tươi đời đời chẳng cùng. Amen.

## KẾT THÚC LỄ NGHI RỬA CHÂN

Pater noster *secreto*

V. Et ne nos indúcas in tentatiónem.

R. Sed líbera nos a malo.

V. Tu mandásti mandáta tua, Dómine.

R. Custodíri nimis.

V. Tu lavásti pedes discipulórum  
tuórum.

R. Opera mánuum tuárum ne  
despicias.

V. Dómine, exáudi oratiónem meam.

R. Et clamor meus ad te véniat.

Lạy Cha chúng tôi *đọc thầm*

X. Chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ.

Đ. Bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ.

X. Lạy Chúa, Chúa đã ban bố giới răn.

Đ. Để chúng tôi hoàn toàn tuân giữ.

X. Chúa đã rửa chân cho các môn đệ.

Đ. Xin đừng coi thường công việc  
Chúa đã làm.

X. Lạy Chúa, xin nhậm lời tôi cầu nguyện.

Đ. Và cho tiếng tôi kêu lên tới Chúa.

V. Dóminus vobíscum.

R. Et cum spírítu tuo.

Orémus

Adésto, Dómine, quæsumus, officio servitútis nostræ: et quía tu discípulis tuis pedes laváre dignátus es, ne despicias ópera mánuum tuárum, quæ nobis retinénda mandásti: ut, sicut hic nobis, et a nobis exterióra abluúntur inquinaménta; sic a te ómnium nostrum interióra lavéntur peccáta. Quod ipse præstáre dignéris, qui vivis et regnas Deus: per ómnia sácula sæculórum.

X. Chúa ở cùng anh chị em.

Đ. Và ở cùng Cha.

Chúng ta hãy cầu nguyện

Lạy Chúa, xin chứng kiến việc chúng tôi làm, Chúa đã đoái thương rửa chân cho môn đệ, thì xin Chúa đừng coi thường công việc Chúa đã làm và truyền dạy chúng tôi noi theo. Chúng tôi đã rửa sạch mọi vết nhơ ngoài thân xác chúng tôi thế nào, thì xin Chúa cũng rửa mọi tội trong linh hồn chúng tôi như vậy, Nguyện xin Chúa nhậm lời chúng tôi xin. Chúa là Đấng hằng sống, hằng trị đời đời chẳng cùng.

## CA DÂNG LỄ

Offert.  
2.



**D** Exte- ra Dómi- ni \* fe- cit vir-  
tú- tem, dex- te- ra Dó- mi- ni exaltá- vit  
me: non mó-ri- ar, sed vi- vam, et narrábo ó- pe-  
ra Dómi- ni.

Déxtera Dómini fecit virtútem, déxtera Dómini exaltávit me: non móriar, sed vivam, et narrábo ópera Dómini.

Tay Chúa đã thực hiện quyền lực, tay Chúa đã nâng đỡ con, con sẽ không chết, nhưng con sẽ sống, và con sẽ rao giảng sự nghiệp của Chúa.

## KINH DÂNG LỄ

Ipse tibi, quásumus, Dómine sancte, Pater omnípotens, ætérne Deus, sacrificium nostrum reddat accéptum, qui discíplis suis in sui commemoratióne hoc fieri hodiérna traditióne monstrávit, Iesus Christus, Fílius tuus, Dóminus noster: Qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus per ómnia sǎcula sǎculórum.

Lạy Chúa là Cha rất thánh, là Thiên Chúa toàn năng, hằng hữu, chúng tôi xin Chúa cho của lễ chúng tôi dâng được đẹp lòng Chúa; chính Người hôm nay đã làm việc đó và truyền cho các môn đệ cử hành về sau để nhớ đến Người. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## KINH TIỀN TỤNG

### *KINH TIỀN TỤNG LỄ THÁNH GIÁ*

Vere dignum et iustum est, æquum et salutáre, nos tibi semper et ubíque grátias ágere: Dómine sancte, Pater omnípotens, ætérne Deus: Qui salutem humáni géneris in ligno Crucis constituísti: ut, unde mors oriebátur, inde vita resúrgeret: et, qui in ligno vincébat, in ligno quoque vincerétur: per Christum, Dóminum nostrum. Per quem maiestátem tuam laudant Angeli, adórant Dominatiónes, tremunt Potestátes. Cæli cælórumque Virtútes ac beáta Séraphim sócia exultatióne concélebrant. Cum quibus et nostras

Lạy Chúa, là Cha chí thánh, là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, việc chúng tôi cảm tạ Chúa mọi nơi, mọi lúc, thật là chính đáng, công bình, và hữu ích cho phần rỗi chúng tôi. Chúa đã dùng Cây Thánh Giá mà cứu rỗi nhân loại, để vì cây trái cấm mà nhân loại phải chết, thì nay nhờ Cây Thánh Giá mà được sống; và ma quỷ xưa đã thắng nhờ cây trái cấm, thì nay bại trận vì Cây Thánh Giá, nhờ Đức Kitô, Chúa chúng tôi. Nhờ Người, các Thiên Thần ca ngợi uy linh Chúa, các Quân Thần thờ lạy, các Quyền Thần kính sợ, Thiên Quốc và toàn

voces ut admitti iúbeas, deprecámur, súpplíci confessióne dicéntes:

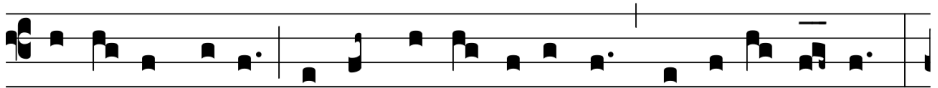
thể đạo binh trên trời cùng với các đấng Sêraphim đồng hân hoan chúc tụng Chúa. Xin cho chúng tôi được đồng thanh cùng các đấng ấy thành khẩn tung hô rằng:

## CA CHỊU LỄ

Comm.  
2.

**D**

Omi- nus Je- sus, \* postquam cená- vit cum di-



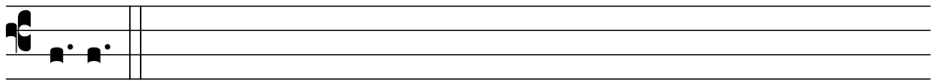
scí- pu- lis su- is, la- vit pe- des e- ó- rum, et a- it il- lis :



Sci- tis quid fé- ce- rim vo- bis, e- go Dómi- nus et



Ma- gíster? Exémp- lum de- di vo- bis, ut et vos i- ta fa- ci-



á- tis.

Dóminus Iesus, postquam coenávit cum discípulis suis, lavit pedes eórum, et ait illis: Scitis, quid fécerim vobis ego, Dóminus et Magíster? Exemplum dedi vobis, ut et vos ita faciátis.

Sau khi dùng bữa tối cùng các môn đệ, Chúa Giêsu rửa chân cho các ông và bảo: “Chúng con có hiểu việc Ta làm cho chúng con không? Ta là Chúa, là Thầy, Ta làm gương để chúng con cũng làm như vậy.”

## KINH TẠ LỄ

Refécti vitálibus aliméntis, quæsumus, Dómine, Deus noster: ut, quod témpore nostræ mortalitátis exséquimur, immortalitátis tuæ múnere consequámur. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

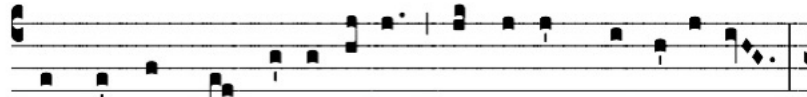
Lạy Chúa, được của ăn hằng sống bồi bổ, chúng tôi xin Chúa cho chúng tôi được hạnh phúc bất diệt, là sự chúng tôi mong ước trong đời sống tạm này. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

## KIỆU THÁNH THỂ VỀ NHÀ TẠM

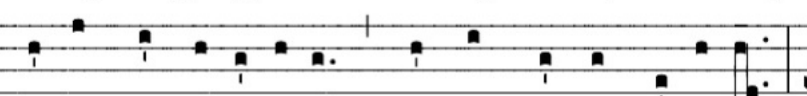
*Ta đừng làm tưởng cuộc kiệu này là đưa Chúa Giêsu đi trốn, hay nghĩ rằng Nhà Tạm là vườn Giếtsimani hoặc là ngôi mộ. Đây là cuộc cất Thánh Thể Chúa cách trọng thể, có ý để dành Mình Thánh cho bệnh nhân, và để chịu trong buổi trọng lễ hôm sau. Vì hôm nay là ngày kỷ niệm Chúa lập phép Thánh Thể, nên kiệu một cách đặc biệt và sau đó cuộc chầu Thánh Thể Chúa.*

*Trong khi kiệu, hát **Pange lingua**. Tới Nhà Tạm hát **Tantum Ergo**. Sau khi cất Mình Thánh vào Nhà Tạm, vị Chủ sự trở về cử hành Lễ Nghi Lộ Bàn Thờ.*

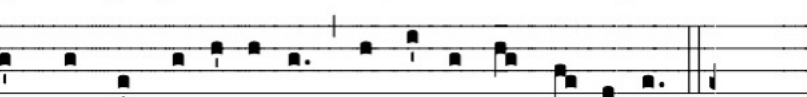
III



**P** Ange lingua glo-ri- ó-si Córpo-ris mysté-ri- um,



Sangi-nisque pre-ti- ó-si, Quem in mundi pré-ti- um



Fructus ventris gene-ró-si Rex effú-dit génti- um.

Pange língua, gloriósi Córporis  
mystérium, Sanguínisque pretiósí,  
quem in mundi prétium, fructus  
ventris generósi, rex effúdit géntium.

Lưỡi tôi, hãy ca hát màu nhiệm Minh  
Chúa hiển vinh, và Máu rất châu báu  
mà vua các dân tộc, con lòng mẹ cao  
sang, đã đổ ra đầy tràn làm giá chuộc  
tội trần gian.



2. Nobis da-tus, nobis na-tus Ex intácta Vírgi-ne, Et in



mundo conversá-tus, Sparso verbi sémi-ne, Su- i mo-ras



inco-lá-tus Mi-ro clausit ór-di-ne.

Nobis datus, nobis natus ex intácta  
Vírgine, et in mundo conversátus,  
sparso verbi sémine. Sui moras  
incolátus. Miro clausit órdine.

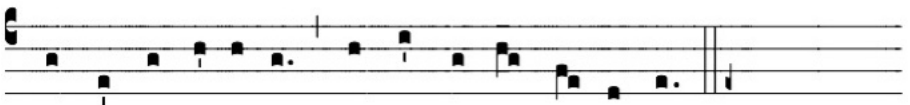
Được ban và sinh ra cho chúng ta, bởi  
Đức Trinh Nữ vẹn tuyền, Người đã  
sống giữa trần gian, và khi đã gieo  
mầm Lời Chúa, Người hoàn tất cuộc  
dương thế bằng một bí tích diệu kỳ.



3. In suprémæ nocte cœnæ Re-cúmbens cum frátri-bus,



Observá-ta le-ge ple-ne Ci-bis in le-gá-libus, Ci-bum



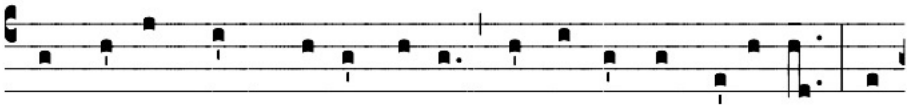
turbæ du- odénæ Se dat su- is má- ni-bus.

In supréma nocte cœnæ, recúbens  
cum frátribus, observáta lege plene,  
cibis in legálibus, cibum turbæ  
duodénæ se dat suis mánibus.

Đêm cuối cùng trong Bữa Tiệc, lúc  
ngồi bàn cùng các anh em, sau khi đã  
giữ hoàn toàn các thức ăn lễ luật dạy,  
Người dùng tay trao Mình làm của  
ăn cho mười hai môn đệ.



4. Verbum ca-ro, panem ve-rum Verbo carnem éffi-cit:



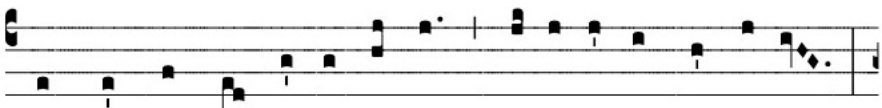
Fitque sanguis Christi me-rum, Et si sensus dé-fi-cit, Ad



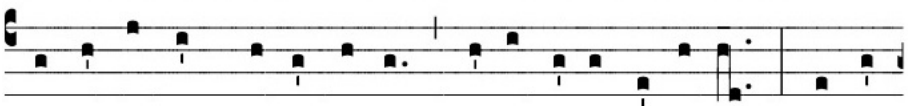
firmándum cor sincé-rum So-la fi-des súffi-cit.

Verbum caro, panem verum, Verbo  
carnem éfficit; fitque sanguis Christi  
merum: et si sensus déficit, ad  
firmándum cor sincérum, sola fides  
súfficit.

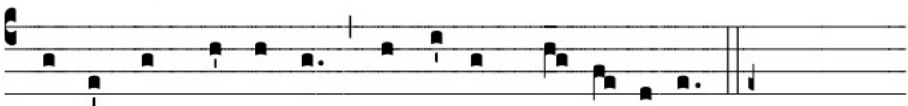
Ngôi Lời đã làm người, dùng lời đổi  
bánh và rượu nên Mình và Máu  
Thánh Người: dầu mắt trần không  
trông thấy, chỉ cần một đức tin, làm  
vững tâm hồn thành tín.



5. TANTUM ERGO Sacraméntum Vene-rémur cérnu- i:



Et antíquum do-cuméntum Novo cedat rí-tu- i: Præstet



fi-des suppléméntum Sensu- um de-féctu- i.

Tantum ergo Sacramentum,  
veneremur cernui: et antiquum  
documentum, novo cedat ritui:  
praestet fides supplementum,  
sensuum defectui.

Vậy chúng ta hãy sấp mình thờ lạy Bí  
Tích cao cả nhiệm màu; mà nghi thức  
của ngày xưa phải nhường chỗ cho  
nghi thức mới: là đức tin phải bù lại  
việc mắt trần không trông thấy.



6. Ge-ni-tó-ri, Ge-ni-tó-que Laus et ju-bi-lá-ti-o, Sa-lus,



ho-nor, virtus quoque Sit et bene-dícti-o: Procedénti



ab utróque Compar sit lau-dá-ti-o. A-men.

Genitóri, Genitóque, laus et iubilátio:  
salus, honor, virtus quoque, sit et  
benedíctio, procedénti ab utróque,  
compar sit laudátio. Amen.

Dâng lên Chúa Cha và Chúa Con  
muôn lời hân hoan ca hát, vinh dự, tán  
dương, quyền năng và chúc tụng,  
cùng dâng lên Chúa Thánh Thần,  
Đấng bởi Chúa Cha và Chúa Con,  
muôn lời ngợi khen chúc tụng. Amen.



## LỄ NGHI LỘT BÀN THỜ

*Bàn thờ ám chỉ Chúa Giêsu. Lễ nghi lột bàn thờ diễn lại việc quân dữ lột áo Chúa Giêsu xưa. Lễ nghi đầy ý nghĩa phũ phàng và tàn nhẫn này bắt ta phải suy nghĩ về sự Chúa Giêsu đã tự hạ mình đến tột bậc để cứu rỗi ta.*

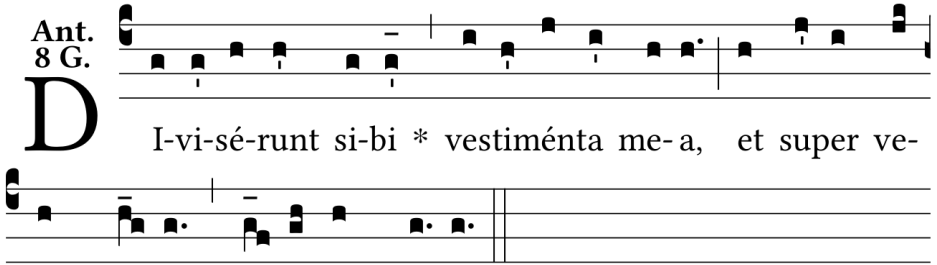
*Lễ nghi: Vị Chủ sự cất Điệp xướng **Chúng đem y phục**, và câu đầu Ca vịnh 21.*

### ĐIỆP XƯỚNG

Ant.  
8 G.

**D**

I-vi-sé-runt si-bi \* vestiménta me-a, et super ve-

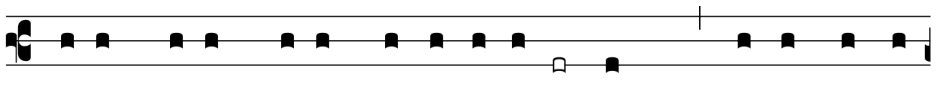


stem me- am mi-sé-runt sortem.

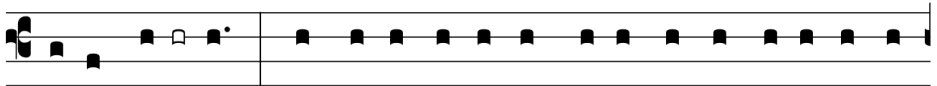
Divisérunt sibi vestiménta mea: et super vestem meam misérunt sortem.	Chúng đem y phục của tôi chia nhau, còn tấm áo dài, thì chúng rút thăm.
--	--

### CA VỊNH

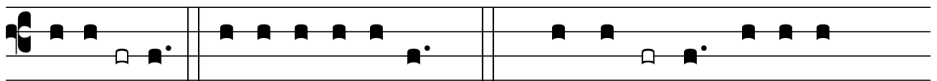
21, 1-34



1.De- us, De- us me- us, réspi-ce in me : † qua-re me de-  
2 1 /



-re-liquí- sti? \* longe a sa-lú-te me-a verba de-lictó-rum



me-ó- rum. E u o u a e. Flexa : ex ú-te-ro : †

Deus, Deus meus, respice in me: †  
quare me **dereliquisti**?\*  
longe a salute mea verba delictorum  
meorum.

Deus meus, clamabo per diem, et *non*  
**exaudies**?\*  
et nocte, et non ad insipientiam **mihi**.

Tu autem in *sancto* **habitas**?\*  
laus **Israël**.

In te speraverunt *patres* **nostri**?\*  
speraverunt, et liberasti **eos**.

Ad te clamaverunt, et *salvi* **facti** sunt?\*

in te speraverunt, et non sunt **confusi**.

Ego autem sum vermis, et *non* **homo**?\*  
opprobrium hominum, et abiectio  
**plebis**.

Omnes videntes me, *deriserunt* me?\*

locuti sunt labiis, et moverunt **caput**.

Speravit in Domino, *eripiat* **eum**?\*

salvum faciat eum, quoniam vult **eum**.

Quoniam tu es, qui extraxisti *me de*  
**ventre**?\*  
spes mea ab ubervis matris **meæ**.

In te proiectus sum ex utero: † De  
ventre matris meæ Deus *meus* **es** tu,\*  
ne discesseris **a** me:

Quoniam tribulatio *proxima* **est**?\*  
quoniam non est qui **adiuvet**.

Lạy Chúa tôi thờ, muôn lạy Chúa,  
Chúaỡ lòng ruồng bỏ tôi sao? Dù tôi  
thảm thiết kêu gào, nhưng ơn cứu độ  
nơi nao xa vời!

Ngày kêu Chúa không lời đáp ứng,  
đêm van Ngài mà cũng chẳng yên.

Thế nhưng Chúa ngự nơi đền, vinh  
quang của Israel là Ngài.

Xưa tổ phụ vẫn hoài cậy Chúa, họ cậy  
trông, Ngài đã độ trì.

Van nài liền được cứu nguy, đã không  
thất vọng mỗi khi cậy Ngài.

Thân sâu bọ chứ người đâu phải, tôi bị  
đời mắng chửi khinh khi.

Thấy tôi là chúng cười chê, lắc đầu  
bĩu mỏ chúng thì mỉa mai.

Nó cậy Chúa: mặc Người cứu nó!  
Người có thương, giải gỡ đi nào!

Đưa tôi ra khỏi thai bào, vòng tay mẹ  
ẵm Chúa trao an toàn.

Chào đời, tôi được dâng cho Chúa,  
được Ngài là Chúa, tự sơ sinh.

Xa tôi Ngài đứng sao đành, nguy  
hiểm bên mình không kẻ giúp cho.

Circumdedérunt me *vítuli multi*:\*  
tauri pingues obsedérunt me.

Aperuérunt super *me os suum*,\*  
sicut leo rápiens et *rúgiens*.

Sicut *aqua effúsus sum*:\*  
et dispérsa sunt ómnia ossa *mea*.

Factum est cor meum tamquam *cera*  
*liquéscens*\*  
in médio ventris *mei*.

Aruit tamquam testa virtus mea, † et  
lingua mea adhæsít *fáucibus meis*:\*  
et in púlverem mortis deduxísti me.

Quóniam circumdedérunt me *canes*  
*multi*:\*  
concílium malignántium obsédit me.

Foderunt manus meas et *pedes meos*:\*  
dinumeravérunt ómnia ossa *mea*.

Ipsi vero consideravérunt et inspexérunt  
me: † divisérunt sibi *vestiménta mea*,\*  
et super vestem meam misérunt *sortem*.

Tu autem, Dómine, ne elongáveris  
*auxílium tuum a me*:\*  
ad defensiónem meam *cónspice*.

Erue a frámea, Deus, *ánimam meam*:\*  
et de manu canis únicam *meam*.

Salva me ex ore *leónis*:\*  
et a córnibus unicórnum  
humilitátem *meam*.

Quanh tôi, cả đàn bò bao kín, thú  
Basan ùa đến bủa vây.

Há mồm đe dọa gớm thay, khác nào  
sư tử xé thây vang gầm.

Tưởng mình như tan dần ra nước,  
toàn thân tôi xương cốt rã rời.

Con tim thổn thức bồi hồi, mềm như  
sáp chảy rồi rời ruột gan.

Nghe cổ họng khô ran như ngói, lưỡi  
với hàm dính lại cùng nhau. Chấn tử  
vong, Chúa đặt vào.

Quanh tôi bày chó đã bao chặt rồi.  
Bọn ác đó trong ngoài vây bủa.

Chúng đâm tôi thủng cả tay chân,  
xương tôi đếm được ngần dài.

Chúng đưa cặp mắt cứ hoài ngó xem.  
Áo mặc ngoài, chúng đem chia chác,  
còn áo trong, cũng bắt thăm luôn.

Chúa là sức mạnh tôi nương, cứu  
mau, lạ Chúa, chớ đừng đứng xa.

Xin cứu mạng khỏi sa lưỡi kiếm, gỡ  
thân tôi thoát miệng sói rừng.

Khỏi nanh sư tử hải hùng, phận hèn  
khốn khổ thoát sừng trâu điên.

Narrábo nomen tuum *frátribus meis*:\*  
in médio ecclésiæ laudábo te.

Qui timétis Dóminum, laudáte eum:\*  
univérsum semen Iacob, glorificáte  
eum.

Tímeat eum omne *semen* **Israël**:\*  
quóniam non sprevit, neque despéxit  
deprecatiónem **páuperis**.

Nec avértit fáciem *suam* **a** me:\*  
et cum clamárem ad eum, exaudívit  
me.

Apud te laus mea in ecclésiá **magna**:\*  
vota mea reddam in conspéctu  
timéntium eum.

Edent páuperes, et saturabúntur: † et  
laudábunt Dóminum qui *requírunt*  
eum:\*

vivent corda eórum in sáculum **sæculi**.

Reminiscéntur et converténtur *ad*  
**Dóminum**\*  
univérsi fines **terræ**.

Et adorábunt in *conspéctu* **eius**\*  
univérsæ *família* **géntium**.

Quóniam *Dómini est* **regnum**:\*  
et ipse dominábitur **géntium**.

Manducavérunt et adoravérunt  
omnes *pingues* **terræ**:\*

Thánh Danh tôi sẽ loan truyền, cho  
toàn công hội anh em được tường.

Mừng Ngài tôi sẽ tán dương, các bạn  
tôn thờ Chúa, hãy ca tụng Người đi,  
nào miêu duệ Giacóp, hết thảy chúc  
vinh Người.

Dòng dõi Israel, hãy một niềm kính sợ!  
Bởi vì Chúa chẳng coi thường, chẳng  
khinh miệt kẻ nghèo hèn khốn khổ.

Cũng không đành ngoảnh mặt làm  
ngơ, nhưng đã thương nghe lời cầu  
cứu.

Chịu ơn Người, tôi dâng lời ca tụng,  
ngày đại hội toàn dân, điều khẩn  
nguyên: tôi xin giữ trọn, trước mặt  
những ai kính sợ Người.

Kẻ khó nghèo sẽ được ăn no thỏa,  
người tìm Chúa, đồng vang tiếng  
ngợi khen, cầu chúc họ được sống vui  
ngàn đời.

Toàn thế giới, muôn người nhớ lại và  
trở về cùng Chúa.

Khắp trần gian mọi nước kính thờ,  
phủ phục trước Thiên Nhan.

Bởi vì Chúa nắm quyền vương đế, ấy  
chính Người thống trị chư dân.

Hạng quyền thế trên đời hết thảy, sẽ  
đều thờ lạy một mình Người. Phàm

in conspéctu eius cadent omnes qui  
descéndunt in **terram**.

Et ánima mea *illi* **vivet**.\*  
et semen meum sérviet **ipsi**.

Annuntiábitur Dómino generátio  
ventúra: † et annuntiábunt coeli  
iustítiam eius pópulo *qui nascétur*,\*  
quem fecit **Dóminus**.

*Ant. Diviserunt sibi ...*

những ai mang thân cát bụi, trước bề  
rông, phủ phục kính tôn.

Còn phần tôi, lấy Chúa làm lẽ sống,  
con cháu mai sau, phụng thờ Người.

Thiên hạ sẽ kể Chúa cho thế hệ tương  
lai; lưu truyền hậu thế ơn Người cứu  
độ: “Sự nghiệp đây, chính Chúa tạo  
thành.”

*Điệp xướng. Chúng đem y phục ...*